

BẢO LƯU QUYỀN SỞ HỮU VÀ HIỆU LỰC ĐỐI KHÁNG VỚI NGƯỜI THỨ BA

Dương Anh Sơn*

Tóm tắt: Bảo lưu quyền sở hữu là một biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ. Đây cũng là một trong những nội dung mới được đưa vào Bộ luật Dân sự năm 2015. Trong bài viết này, tác giả phân tích một số quy định của pháp luật liên quan đến bảo lưu quyền sở hữu. Bài viết cũng đề cập đến quyền đòi lại tài sản, vấn đề hiệu lực đối kháng với người thứ ba, và trên cơ sở đó, đưa ra một số đề xuất hoàn thiện pháp luật.

Abstract: Reservation of ownership is a measure ensuring the enforcement of obligation. This is one of the new issues of the Civil Code of 2015. This paper analyses law and regulation on reservation of ownership. It also discusses right to taking back property and legal effect against the third party. Basing on that, it makes proposals to improve relevant law and regulation.

Có thể nhận thấy, Bộ luật Dân sự (BLDS) năm 2015 đã có nhiều quy định mới, trong đó có quy định về bảo lưu quyền sở hữu tài sản là biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ. Tuy nhiên, về vấn đề này hiện đang có nhiều quan điểm khác nhau.

1. Về bảo lưu quyền sở hữu

Theo Điều 331 BLDS năm 2015, trong hợp đồng mua bán, quyền sở hữu tài sản có thể được bên bán bảo lưu cho đến khi nghĩa vụ thanh toán được thực hiện đầy đủ. Bảo lưu quyền sở hữu phải được lập thành văn bản riêng hoặc được ghi trong hợp đồng mua bán. Bảo lưu quyền sở hữu phát sinh hiệu lực đối kháng với người thứ ba kể từ thời điểm đăng ký tại Trung tâm đăng ký giao dịch bảo đảm. Có ý kiến cho rằng, quy định như vậy là đảm bảo hài hoà lợi ích của bên bán và bên mua¹.

Theo pháp luật của nhiều nước, bảo lưu quyền sở hữu chỉ có thể được thực hiện khi:

i) Trong hợp đồng mua bán, người bán đồng ý cho người mua trả chậm; và ii) Việc bảo lưu quyền sở hữu được thoả thuận trong hợp đồng. Tuy nhiên, pháp luật Việt Nam có vẻ không nhất quán trong vấn đề này. Khoản 2 Điều 331 quy định một cách gián tiếp rằng, bảo lưu quyền sở hữu chỉ có thể được thực hiện khi có sự thoả thuận của các bên trong hợp đồng hoặc trong một văn bản riêng biệt. Trong khi đó, theo khoản 1 Điều 453 BLDS năm 2015, các bên có thể thoả thuận về việc bên mua trả chậm hoặc trả dần tiền mua trong một thời hạn sau khi nhận tài sản mua. Bên bán được bảo lưu quyền sở hữu đối với tài sản bán cho đến khi bên mua trả đủ tiền, trừ trường hợp có thoả thuận khác.

Từ quy định của Điều 331 có thể hiểu rằng, người bán chỉ có thể có quyền bảo lưu quyền sở hữu trong khoảng thời gian người mua chưa thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán và bảo lưu quyền sở hữu sẽ chấm dứt tại thời điểm nghĩa vụ thanh toán cho bên bán được thực hiện xong². Nếu người mua thực hiện nghĩa vụ thanh toán trước hoặc vào thời điểm nhận hàng thì người bán

* PGS.TS., Trường Đại học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.

¹ Xem: Nguyễn Minh Tuấn, *Bình luận khoa học Bộ luật Dân sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb. Tư pháp, 2015, tr. 505.

² Xem khoản 1 Điều 334 BLDS năm 2015.

không có quyền bảo lưu quyền sở hữu. Bên cạnh Điều 331, Điều 453 BLDS năm 2015³ cũng quy định về bảo lưu quyền sở hữu đối với tài sản và người mua được phép trả chậm. Tuy nhiên, căn cứ phát sinh bảo lưu quyền sở hữu lại khác nhau: Có thoả thuận bảo lưu theo Điều 331 và mặc nhiên bảo lưu theo Điều 453. Căn cứ Điều 453 BLDS năm 2015, điều kiện cần và đủ để người bán bảo lưu quyền sở hữu là người mua chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán (trả chậm, trả dần), trong khi đó đây mới chỉ là điều kiện cần để người bán bảo lưu quyền sở hữu theo Điều 331 (điều kiện đủ là phải có thoả thuận của các bên).

Hợp đồng là sự thoả thuận giữa các bên nhằm xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt quyền và nghĩa vụ. Theo Điều 453 BLDS năm 2015, trong hợp đồng mua bán trả chậm, trả dần, bảo lưu quyền sở hữu không phụ thuộc vào việc các bên có thoả thuận hay không, người bán chỉ không có quyền này nếu các bên có thoả thuận trong hợp đồng. Về nguyên tắc, pháp luật chỉ áp đặt các bên trong hợp đồng trong trường hợp cần bảo vệ lợi ích của nhà nước, của xã hội hoặc của người thứ ba. Trong hợp đồng mua bán trả chậm, trả dần, tác giả nhận thấy, việc bảo lưu quyền sở hữu đối với tài sản không thuộc các trường hợp trên nên pháp luật không cần can thiệp mà nên căn cứ vào thoả thuận các bên.

Từ đó, tác giả cho rằng, quy định tại Điều 453 BLDS năm 2015 không những mâu thuẫn với Điều 331 mà còn trái thực tiễn và thiếu tính khả thi⁴.

2. Về quyền đòi lại tài sản

Theo Điều 332 BLDS năm 2015, trong trường hợp bên mua không hoàn thành nghĩa vụ thanh toán cho bên bán theo thoả thuận thì bên bán có quyền đòi lại tài sản. Bên bán hoàn trả cho bên mua số tiền bên mua đã thanh toán sau khi trừ giá trị hao mòn tài sản do sử dụng. Trường hợp bên mua làm mất, hư hỏng tài sản thì bên bán có quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Trong trường hợp người mua vẫn đang chiếm giữ tài sản và tài sản vẫn còn duy trì tình trạng ban đầu thì việc đòi lại tài sản là việc đơn giản. Vấn đề sẽ trở nên phức tạp hơn nhiều khi hàng hoá nguyên gốc không còn do hành vi sáp nhập, trộn lẫn hay chế biến của người khác, thậm chí tạo thành sản phẩm mới cùng với nguyên vật liệu của người khác⁵. Trong những trường hợp này pháp luật chưa dự liệu quyền đòi lại tài sản được thực hiện như thế nào.

Thứ nhất, nếu quyền đòi lại tài sản bao gồm đòi lại tài sản nguyên trạng hoặc đòi lại giá trị của tài sản thì bảo lưu quyền sở hữu không còn được coi là biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ mà chỉ là điều khoản do các bên thoả thuận trong hợp đồng mua bán tài sản.

Thứ hai, nếu trong hợp đồng không có điều khoản bảo lưu quyền sở hữu và pháp luật không điều chỉnh vấn đề này thì người bán có quyền đòi lại tài sản đã bán khi người mua không thực hiện nghĩa vụ thanh toán hay không?

Theo Điều 425 BLDS năm 2005, một bên có quyền huỷ bỏ hợp đồng mà không phải bồi thường thiệt hại khi việc vi phạm hợp đồng là điều kiện huỷ bỏ đã được các

³ Điều 453 BLDS năm 2015 về "mua trả chậm, trả dần".

⁴ Xem thêm Đỗ Văn Đại, *Bình luận khoa học những điểm mới của BLDS 2015*, Nxb. Hồng Đức, năm 2016, tr. 335.

⁵ Xem: Trịnh Thực Hiện, *Bảo lưu quyền sở hữu trong Dự thảo Bộ luật Dân sự: một biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ*, kỷ yếu Hội thảo "Góp ý xây dựng Bộ luật Dân sự" do trường Đại học Kinh tế - Luật tổ chức ngày 28/4/2015.

bên thoả thuận hoặc pháp luật quy định; khi hợp đồng bị huỷ bỏ thì hợp đồng không có hiệu lực từ thời điểm giao kết và các bên phải hoàn trả cho nhau tài sản đã nhận; nếu không hoàn trả được bằng hiện vật thì phải trả bằng tiền, bên có lỗi trong việc hợp đồng bị huỷ bỏ phải bồi thường thiệt hại. Trong trường hợp không có thoả thuận vi phạm hợp đồng là điều kiện huỷ hợp đồng, BLDS năm 2005 quy định một số trường hợp cho phép người mua được huỷ hợp đồng và yêu cầu bồi thường thiệt hại⁶. Trong khi đó không có quy định nào của BLDS năm 2005 và Luật Thương mại (LTM) năm 2005 cho phép người bán huỷ bỏ hợp đồng khi người mua không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nếu các bên không có thoả thuận khác. Có thể thấy rằng đây là một trong những bất cập của BLDS năm 2005 và LTM năm 2005.

Tuy nhiên, theo BLDS năm 2005, ngay cả khi không có điều khoản bảo lưu quyền sở hữu thì người bán vẫn có quyền đòi lại tài sản bằng cách huỷ hợp đồng nếu các bên thoả thuận việc không thực hiện nghĩa vụ thanh toán là điều kiện huỷ hợp đồng.

Thứ ba, nếu không có quyền đòi lại tài sản theo quy định tại Điều 332 BLDS năm 2015 và không có thoả thuận bảo lưu quyền sở hữu thì người bán có quyền đòi lại tài sản khi người mua không thanh toán hay không. Có thể khẳng định rằng, người mua không thanh toán cho người bán có nghĩa là người mua đã vi phạm hợp đồng và căn cứ Điều 424 BLDS năm 2015 thì người bán có quyền huỷ hợp đồng.

Thật vậy, theo Điều 424 BLDS năm 2015, trường hợp bên có quyền yêu cầu

thực hiện nghĩa vụ trong một thời hạn hợp lý nhưng bên có nghĩa vụ không thực hiện thì bên có quyền có thể huỷ bỏ hợp đồng⁷. Khi hợp đồng bị huỷ, theo Điều 427 BLDS năm 2015 thì: i) Hợp đồng không có hiệu lực từ thời điểm giao kết, các bên không phải thực hiện nghĩa vụ đã thoả thuận, trừ thoả thuận về phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và thoả thuận về giải quyết tranh chấp; ii) Các bên phải hoàn trả cho nhau những gì đã nhận sau khi trừ chi phí hợp lý trong thực hiện hợp đồng và chi phí bảo quản, phát triển tài sản. Việc hoàn trả được thực hiện bằng hiện vật; trường hợp không hoàn trả được bằng hiện vật thì được trị giá thành tiền để hoàn trả; và iii) Bên bị thiệt hại do hành vi vi phạm nghĩa vụ của bên kia được bồi thường. Quy định này của pháp luật được áp dụng cho cả trường hợp người mua không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng.

Do đó, cho dù không có quyền đòi lại tài sản theo Điều 332 BLDS năm 2015 thì người bán vẫn có quyền đòi lại tài sản theo Điều 424 và Điều 427 BLDS năm 2015.

Vấn đề đặt ra là việc đòi lại tài sản khi bảo lưu quyền sở hữu theo Điều 332 và việc hoàn trả lại tài sản trong trường hợp hợp đồng bị huỷ theo Điều 427 BLDS năm 2015 có gì khác nhau? Về vấn đề này pháp luật còn để ngỏ. Theo quan điểm của tác giả, pháp luật cần cho phép người bán đòi lại tài sản đã được bảo lưu quyền sở hữu một cách nhanh chóng, linh hoạt và bảo đảm hơn so với việc hoàn trả lại tài sản khi hợp đồng bị huỷ.

3. Hiệu lực đối kháng với người thứ ba: Quyền truy đòi tài sản hay quyền ưu tiên

⁶ Xem: Điểm c khoản 2 Điều 435 - Trách nhiệm do giao vật không đúng số lượng; điểm b khoản 1 Điều 436 - Trách nhiệm do giao vật không đồng bộ, khoản 3 Điều 437 - Trách nhiệm giao vật không đúng chủng loại.

⁷ Có thể nói rằng, Điều 424 BLDS 2015 khắc phục được khiếm khuyết của Điều 425 BLDS 2005 khi trao cho người bán quyền huỷ hợp đồng trong trường hợp người mua vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

Hiệu lực đối kháng với người thứ ba được coi là nội dung mới trong BLDS năm 2015. Trước đây, cụm từ “có giá trị pháp lý đối với người thứ ba”⁸ như khoản 3 Điều 323 BLDS năm 2005 quy định được hiểu là: i) Người nhận bảo đảm được ưu tiên thanh toán trước so với các chủ nợ khác theo quy định tại Điều 308 BLDS năm 2015; ii) Người có quyền (người bán) có quyền truy đòi tài sản từ người thứ ba đang chiếm giữ tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 297 BLDS năm 2015. Trong phần này không đề cập đến quyền ưu tiên thanh toán mà chỉ đi sâu phân tích quyền truy đòi.

Có ý kiến cho rằng, “quyền truy đòi” theo BLDS năm 2015 có ý nghĩa tương đương như “trả lại tài sản” của bên nhận cầm cố đối với trường hợp tài sản bị người khác chiếm giữ theo BLDS năm 2005⁹. Tác giả cho rằng, quyền truy đòi và quyền yêu cầu người đang chiếm hữu, sử dụng trái pháp luật tài sản cầm cố trả lại tài sản theo khoản 1 Điều 314, quyền yêu cầu bên thế chấp hoặc người thứ ba giữ tài sản thế chấp giao tài sản đó cho mình để xử lý khi bên thế chấp không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ theo khoản 5 Điều 323, quyền đòi lại tài sản theo Điều 332 BLDS năm 2015 là không giống nhau. Bên có quyền thực hiện quyền truy đòi khi họ không thể đòi lại tài sản từ các chủ thể nói trên vì tài sản đã được họ chuyển giao cho người thứ ba khác.

Đối với các biện pháp cầm cố và thế chấp thì bên cầm cố hoặc bên thế chấp khó có thể chuyển nhượng tài sản thế chấp cho người thứ ba vì đã đăng ký biện pháp bảo

đảm hoặc tài sản đã bị chiếm giữ. Nếu là cầm cố động sản thì bên nhận cầm cố đang chiếm giữ tài sản nên vấn đề truy đòi không được đặt ra mà chỉ có thể đòi lại tài sản từ người chiếm giữ trái pháp luật. Nếu tài sản cầm cố (là động sản) hoặc thế chấp bất động sản (cả thế chấp động sản) thì bên cầm cố và bên thế chấp chỉ có thể chuyển nhượng tài sản đó một cách bất hợp pháp cho người thứ ba, khi đó, bên nhận cầm cố hoặc bên nhận thế chấp có quyền đòi lại tài sản từ người chiếm hữu mà không phải thực hiện quyền truy đòi. Trong trường hợp thế chấp động sản, bên nhận thế chấp có thể cho phép bên thế chấp bán tài sản thế chấp và có quyền theo đuổi (cũng có thể gọi là quyền truy đòi) tài sản đó (hoặc giá trị tài sản).

Như vậy, quyền truy đòi được thực hiện khi không thể đòi lại tài sản từ chủ thể có nghĩa vụ (bên thế chấp động sản có quyền bán động sản đó và người mua tài sản được bảo lưu quyền sở hữu) vì tài sản đã được chuyển giao hợp pháp cho người thứ ba. Hay nói cách khác là người bán thực hiện quyền truy đòi tài sản khi có đủ các điều kiện cần và đủ: Điều kiện cần là trong hợp đồng có điều khoản bảo lưu quyền sở hữu và biện pháp bảo đảm này đã được đăng ký; điều kiện đủ là người mua không còn chiếm giữ tài sản mua bán được bảo lưu quyền sở hữu và tài sản đã được người mua bán cho người thứ ba.

Việc thực hiện quyền truy đòi tài sản từ khách hàng của người mua sẽ gặp những khó khăn nào, có thể gây ra những rủi ro và hậu quả pháp lý là gì?

Quyền truy đòi tài sản của người bán có thể được phân tích qua ví dụ sau: A bán tài sản cho B và trong hợp đồng A cho phép B trả chậm (tương tự mua trả chậm, trả dần). Trong hợp đồng ghi nhận điều khoản bảo lưu quyền sở hữu đối với tài sản đó của A.

⁸ Xem: Nguyễn Hải An, “Các quy định mới về các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trong Bộ luật Dân sự năm 2015 và tác động đến lợi ích của các doanh nghiệp”, Tạp chí Khoa học pháp lý, số 2(105), 2017.

⁹ Xem: Nguyễn Hải An, *ltd.*

Biện pháp bảo đảm này được đăng ký. Sau khi nhận tài sản từ A, B bán tài sản đó cho C. Đến thời hạn, B không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đối với A. Theo quy định tại Điều 332 BLDS 2015, A có quyền đòi lại tài sản từ B, nhưng vì tài sản đã được ông B bán cho ông C nên A có quyền truy đòi tài sản từ C. Như phân tích ở trên, việc A đòi lại tài sản từ B đã là vấn đề phức tạp thì việc A truy đòi tài sản từ C lại càng khó khăn hơn.

Thực tiễn hoạt động thương mại cho thấy, người mua hàng hoá thường có mục đích kiếm lời. Vì vậy, sau khi nhận hàng từ người bán họ không giữ lại mà chuyển nhượng cho những người mua khác và đây cũng là điều mà các nhà làm luật đã dự liệu trước.

Việc thực hiện quyền truy đòi tài sản sẽ gặp những vấn đề phức tạp sau đây:

Thứ nhất, tài sản đã được chuyển giao một cách hợp pháp qua nhiều người, ví dụ, A bán cho B và A bảo lưu quyền sở hữu, B bán cho C, C bán cho D... Trong trường hợp này người bán truy đòi tài sản từ ai trong số những người nói trên và như thế nào?

Thứ hai, sau khi mua tài sản được bảo lưu quyền sở hữu, người mua bán lại cho nhiều khách hàng và không loại trừ các khách hàng của người mua đã chuyển nhượng tài sản cho những người khác. Trong trường hợp này, người bán khó có thể xác định được hết khách hàng của người mua đã mua tài sản là đối tượng bảo lưu quyền sở hữu. Vấn đề sẽ trở nên phức tạp hơn rất nhiều khi tài sản đó là động sản và vật cùng loại.

Thứ ba, tài sản được bảo lưu đã được khách hàng của người mua trộn lẫn với các loại tài sản khác thành tài sản chung hợp nhất. Trong trường hợp này việc truy đòi chính tài sản là đối tượng của bảo lưu quyền sở hữu là không thể mà chỉ có thể truy đòi

giá trị của phần tài sản đó. Việc này cũng không thể được thực hiện dễ dàng. Ai sẽ là người xác định tỉ lệ? Ai sẽ bỏ chi phí để thuê giám định? Dưới góc độ kinh tế học thì chi phí giao dịch có thể khá cao và điều này làm giảm đáng kể hiệu quả của giao dịch.

Thứ tư, ngoài những khó khăn khi thực hiện quyền truy đòi tài sản, việc thực hiện quyền này có thể mang lại rủi ro cho người thứ ba là khách hàng của người mua. Đây được coi là rủi ro mà khách hàng của người mua khó có thể lường trước được và họ có thể phải gánh chịu. Hậu quả tiếp theo là tạo ra môi trường kinh doanh nhiều rủi ro, trong đó người mua luôn cảm thấy bất an về việc hàng hoá họ mua có thuộc đối tượng bảo lưu quyền sở hữu theo quy định tại Điều 331 BLDS năm 2015 hay không, nhất là khi người mua và người bán cố tình đưa vào hợp đồng thoả thuận cho phép người mua trả chậm và người bán bảo lưu quyền sở hữu đối với tài sản mua bán.

Theo nguyên tắc chung, hợp đồng làm phát sinh hiệu lực ràng buộc đối với các bên tham gia. Còn hợp đồng làm phát sinh hiệu lực đối với người thứ ba được coi là ngoại lệ của nguyên tắc chung đó. Điều này được lý giải bởi việc chủ thể phải chịu trách nhiệm về hành vi mà họ thực hiện mà không chịu trách nhiệm về hành vi của người khác. Tuy nhiên, trong trường hợp này, khách hàng của người mua lại phải chịu trách nhiệm cho những hành vi của người khác. Để khỏi phải chịu rủi ro thì khách hàng của người mua cần phải xác định tài sản họ mua có thuộc đối tượng bảo lưu quyền sở hữu hay không.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 387 BLDS năm 2015, một bên phải thông báo cho bên kia biết thông tin ảnh hưởng đến việc chấp nhận giao kết hợp đồng. Theo quy định này thì người mua phải có nghĩa vụ

thông báo cho khách hàng của mình biết về việc tài sản mua bán thuộc đối tượng bảo lưu quyền sở hữu, và nếu không thông báo mà gây thiệt hại thì phải bồi thường. Vấn đề là nếu người mua đã không thể thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho người bán thì việc bồi thường cho khách hàng là khó có thể xảy ra. Hậu quả là khách hàng của người mua có thể vừa bị truy đòi tài sản, vừa bị thiệt hại nhưng không được bồi thường.

Trong trường hợp người mua không thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 1 Điều 387 thì theo quy định tại Điều 59 Nghị định 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về Đăng ký biện pháp bảo đảm, cá nhân, pháp nhân, hộ gia đình (khách hàng của người mua) có quyền tìm hiểu hoặc yêu cầu cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm được lưu giữ trong sổ đăng ký, cơ sở dữ liệu về biện pháp bảo đảm và Hệ thống dữ liệu quốc gia về biện pháp bảo đảm. Như vậy về mặt lý thuyết, để tránh rủi ro, người mua hàng có thể tìm hiểu hàng hoá họ định mua có thuộc đối tượng của bảo lưu quyền sở hữu và biện pháp bảo lưu này có được đăng ký bảo đảm hay không. Tuy nhiên, để có được những thông tin đó, người mua hàng phải mất một khoảng thời gian nhất định và phí tra cứu đăng ký giao dịch bảo đảm.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 453 BLDS năm 2015, bên mua có quyền sử dụng tài sản mua trả chậm, trả dần và phải chịu rủi ro trong thời gian sử dụng, trừ trường hợp có thoả thuận khác. Như vậy, người mua trong hợp đồng mua bán trả chậm, trả dần không có quyền định đoạt tài sản, điều này có nghĩa là người mua không có quyền bán tài sản đó cho người khác và theo logic, quy định này cũng được áp dụng cho tình huống theo Điều 331, vậy vấn đề là quyền truy đòi tài sản được hình thành trên

cơ sở nào nếu người mua không được phép chuyển nhượng tài sản cho người khác¹⁰.

Pháp luật của những quốc gia cho phép bảo lưu quyền sở hữu hết sức thận trọng với quyền truy đòi tài sản và hầu hết không quy định quyền truy đòi mà chỉ coi điều khoản về bảo lưu quyền sở hữu là một điều khoản trong hợp đồng mua bán tài sản do các bên thoả thuận. Ví dụ, theo quy định tại khoản 3 Điều 449 BLDS của Đức¹¹, thoả thuận bảo lưu quyền sở hữu sẽ vô hiệu khi việc chuyển giao quyền sở hữu được thực hiện bởi bên mua nhằm thỏa mãn yêu cầu của bên thứ ba, nhất là khi bên thứ ba này có quan hệ kinh tế với bên bán.

Trong ví dụ được đưa ra nói trên, liệu người mua B có quyền bán hàng hoá không thuộc sở hữu của họ hay không khi mà Điều 444 BLDS năm 2015 (Bảo đảm quyền sở hữu của bên mua đối với tài sản mua bán) quy định, bên bán có nghĩa vụ bảo đảm quyền sở hữu đối với tài sản đã bán cho bên mua không bị người thứ ba tranh chấp. Khoản 2 điều này quy định, nếu người thứ ba (A) có quyền sở hữu một phần hoặc toàn bộ tài sản mua bán thì bên mua (C) có quyền hủy bỏ hợp đồng và yêu cầu bên bán (B) bồi thường thiệt hại nếu tại thời điểm ký hợp đồng mua bán giữa B và C khi C không biết tài sản bị người thứ ba (người bán A) tranh chấp. Còn nếu tại thời điểm ký hợp đồng mua bán, người mua C biết hoặc buộc phải biết tài sản họ mua là đối tượng bảo lưu quyền sở hữu của A thì C phải trả lại tài sản cho chủ sở hữu A và không có quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại.

¹⁰ Có thể thấy quy định tại khoản 2 Điều 453 BLDS năm 2015 là hoàn toàn trái thực tiễn. Trong thực tế, người mua thường bán lại hàng hoá cho người khác mặc dù chưa thanh toán hết tiền mua hàng cho người bán.

¹¹ Xem: German Civil Code (BGB), https://www.gesetze-im-internet.de/englisch_bgb/, truy cập ngày 02/11/2017.

Theo quan điểm của tác giả, xuất phát từ khoản 2 Điều 297 và Điều 444 BLDS năm 2015, người mua sẽ không mua tài sản nếu biết được tài sản đó đang là đối tượng bảo lưu quyền sở hữu. Kết quả là người mua đã mất thời gian nhưng cuối cùng hợp đồng không được ký kết và quy định về quyền truy đòi là không thực tế. Rõ ràng, quy định quyền truy đòi làm tăng chi phí giao dịch và trong nhiều trường hợp làm cho người mua mất cơ hội kinh doanh.

4. Kết luận

Pháp luật của các nước tiếp cận khác nhau về chức năng và vai trò của vấn đề bảo lưu quyền sở hữu đối với hàng hoá đã bán. Pháp luật của Liên bang Nga không đề cập đến vấn đề này và có vẻ coi bảo lưu quyền sở hữu chỉ là điều khoản do các bên thoả thuận trong hợp đồng (Điều 491 BLDS)¹² Pháp luật của Đức không coi bảo lưu quyền sở hữu là biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ mà chỉ xem xét vấn đề này là điều khoản trong hợp đồng mua bán tài sản là động sản¹³. Pháp luật của Pháp (Điều 2367 BLDS¹⁴), Điều 9-103 Bộ luật Thương mại thống nhất của Hoa Kỳ (Uniform Commercial Code - UCC)¹⁵ thừa nhận bảo lưu quyền sở hữu là biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ. Ngay cả khi pháp luật của Pháp coi bảo lưu quyền sở hữu là biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ, và có ý kiến

cho rằng, không nên chỉ sử dụng biện pháp bảo lưu quyền sở hữu mà còn cần phải sử dụng các biện pháp bảo đảm khác¹⁶.

Tác giả cho rằng:

Thứ nhất, bảo lưu quyền sở hữu không phải là biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ bởi nó không mang lại cho bên có quyền sự đảm bảo chắc chắn là nghĩa vụ được thực hiện theo biện pháp bảo đảm khác như khi bên cầm cố, thế chấp không thực hiện nghĩa vụ thì bên nhận cầm cố, thế chấp có quyền xử lý tài sản thế chấp, cầm cố đó. Trong bảo lưu quyền sở hữu thì không có sự chắc chắn đó, người mua không thể thực hiện nghĩa vụ thanh toán và cũng không còn tài sản. Nếu so sánh giữa phạt vi phạm hợp đồng với bảo lưu quyền sở hữu thì có thể thấy, điều khoản phạt vi phạm trong hợp đồng có tính răn đe cao hơn điều khoản bảo lưu quyền sở hữu vì kể từ thời điểm ký hợp đồng, các bên bị đặt vào tình thế và buộc phải ý thức được hậu quả mà họ phải gánh chịu nếu không thực hiện đúng nghĩa vụ hợp đồng. Điều khoản phạt vi phạm, ngoài việc cho phép bên bị vi phạm đòi lại tài sản (nếu hợp đồng bị huỷ) còn bắt buộc bên vi phạm phải trả một khoản tiền phạt. Tuy nhiên, phạt vi phạm không còn được coi là biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ theo BLDS năm 2005 và BLDS năm 2015.

Ngoài ra, chỉ nên coi bảo lưu quyền sở hữu là một loại điều khoản trong hợp đồng do các bên thoả thuận. Việc thoả thuận bảo lưu quyền sở hữu xuất phát từ bối cảnh, trong đó có các yếu tố liên quan như loại tài sản mua bán là để sử dụng hay để bán lại...

(Xem tiếp trang 61)

¹² Xem: Статья 491. Сохранение права собственности за продавцом, *Гражданский кодекс Российской Федерации (ГК РФ)*, <https://www.zakonrf.info/gk/491/>, truy cập ngày 02/11/2017.

¹³ Xem: German Civil Code (BGB), https://www.gesetz-und-internet.de/englisch_bgb/, truy cập ngày 02/11/2017.

¹⁴ Xem: <https://www.legifrance.gouv.fr/affichCodeArticle.do>, truy cập ngày 02/11/2017.

¹⁵ Điều 9-103 UCC được hiểu là lợi ích bảo đảm trên tài sản mua. Xem: <https://www.law.cornell.edu/ucc/9/9-103>, truy cập ngày 02/11/2017.

¹⁶ Xem: Joan Dray, *Clause de réserve de propriété et déclaration de créance à la procédure collective*, <https://www.legavox.fr/blog/maitre-joan-dray/clause-reserve-propriete-declaration-creance-15271.htm>, truy cập ngày 02/11/2017.